

Số: **652**../KH-DHTCQTKD

Hưng Yên, ngày **16** tháng **9** năm 2025

KẾ HOẠCH

Về giảng dạy - học tập trình độ đại học hệ chính quy K13

Học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

Thực hiện kế hoạch giảng dạy năm học 2025 – 2026 trình độ đại học hệ chính quy K13 Nhà trường thông báo Kế hoạch về giảng dạy - Học tập học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 cho các lớp sinh viên trình độ đại học hệ chính quy K13 học tại cơ sở 2 như sau:

I. Kế hoạch Giảng dạy - Học tập

Lớp	Buổi	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD13A	Sáng	A1	PLDC: 1 – 4	TDC: 1 – 3	AVBS: 1 – 4	TCC: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	TRIET: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
			SH: 5	KTVM: 4 – 5		KTVM: 4 – 5		
		A4	KTVM: 1 – 4	AVBS: 1 – 4	TRIET: 24/9-10/12: 1-3 17/12-24/12: 1-5	TDC: 1 – 3	TCC: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
SH: 5				PLDC: 4 – 5		PLDC: 4 – 5		
KD13B		A14	TCC: 1 – 4	TDC: 1 – 3	KTVM: 1-4	TRIET: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	AVBS: 1 – 4	
			SH: 5	PLDC: 4 – 5		PLDC: 4 – 5		
KD13C		A6	KTVM: 1 – 4	TCC: 23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	TDC: 1 – 3	AVBS: 1 – 4	TRIET: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
KD13D			SH: 5		PLDC: 4 – 5		PLDC: 4 – 5	

Lớp	Buổi	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
NH13A	Chiều	A5	AVBS: 1 – 4	TDC: 1 – 3	TRIET: 24/9-10/12: 1-3 17/12-24/12: 1-5	KTVM: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	PLDC: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
			SH: 5	TCC: 4 – 5		TCC: 4 – 5		
		A8	TCC: 1 – 4	23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	PLDC: 24/9-10/12: 1-3 17/12-24/12: 1-5	KTVM: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	TDC: 1 – 3	
			SH: 5		AVBS: 4 – 5		AVBS: 4 – 5	
TC13A	Chiều	A17	AVBS: 1 – 4	23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	PLDC: 24/9-10/12: 1-3 17/12-24/12: 1-5	TRIET: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	TDC: 1 – 3	
			SH: 5	KTVM: 4 – 5			KTVM: 4 – 5	
		A11	PLDC: 1 – 4	23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	TDC: 1 – 3	TCC: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	KTVM: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
			SH: 5	AVBS: 4 – 5				
QT13A	Chiều	A12	AVBS: 1 – 4	23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	TDC: 1 – 3	TRIET: 25/9-11/12: 1-3 18/12-25/12: 1-5	PLDC: 26/9-12/12: 1-3 19/12-26/12: 1-5	
			SH: 5	TCC: 4 – 5			TCC: 4 – 5	
		A7	TRIET: 1 – 4	23/9-09/12: 1-3 16/12-23/12: 1-5	TCC: 1-4	TDC: 1 – 3	AVBS: 1 – 4	
			SH: 5	PLDC: 4 – 5		PLDC: 4 – 5		
KA13A	Chiều	A1	TCC: 6 – 9	23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	TDC: 6 – 8	TRIET: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	AVBS: 6 – 9	
			SH: 10	PLDC: 9 – 10		PLDC: 9 – 10		
		A4	KTVM: 6 – 9	AVBS: 6 – 9	PLDC: 24/9-10/12: 6-8 17/12-24/12: 6-10	TDC: 6 – 8	TRIET: 26/9-12/12: 6-8 19/12-26/12: 6-10	
			SH: 10		TCC: 9 – 10		TCC: 9 – 10	
KD13G	Chiều							

Lớp	Buổi	GD	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
KD13H		A14	TRIET: 6 – 9	PLDC: 23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	TDC: 6 – 8	TCC: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	AVBS: 6 – 9	
			SH: 10	KTVM: 9 – 10		KTVM: 9 – 10		
TM13A		A5	AVBS: 6 – 9	TRIET: 23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	TCC: 24/9-10/12: 6-8 17/12-24/12: 6-10	TDC: 6 – 8	KTVM: 26/9-12/12: 6-8 19/12-26/12: 6-10	
			SH: 10		PLDC: 9 – 10		PLDC: 9 – 10	
TC13B		A6	TRIET: 6 – 9	KTVM: 23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	AVBS: 24/9-10/12: 6-8 17/12-24/12: 6-10	TCC: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	TDC: 6 – 8	
			SH: 10		PLDC: 9 – 10		PLDC: 9 – 10	
QM13B		A7	AVBS: 6 – 9	TRIET: 23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	PLDC: 24/9-10/12: 6-8 17/12-24/12: 6-10	KTVM: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	TDC: 6 – 8	
			SH: 10	TCC: 9 – 10		TCC: 9 – 10		
QT13C		A8	TDC: 6 – 8	TCC: 23/9-09/12: 6-8 16/12-23/12: 6-10	KTVM: 6 – 9	TRIET: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	AVBS: 6 – 9	
			SH: 9	PLDC: 9 – 10		PLDC: 9 – 10		
QL13A		A11	TRIET: 6 – 9	TDC: 6 – 8	AVBS: 6 – 9	PLDC: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	TCC: 26/9-12/12: 6-8 19/12-26/12: 6-10	
			SH: 5	KTVM 1: 9 – 10			KTVM 1: 9 – 10	
CT13A		A12	TCC: 6 – 9	TDC: 6 – 8	KTVM: 24/9-10/12: 6-8 17/12-24/12: 6-10	PLDC: 25/9-11/12: 6-8 18/12-25/12: 6-10	TRIET: 26/9-12/12: 6-8 19/12-26/12: 6-10	
			SH: 10		AVBS: 9 – 10		AVBS: 9 – 10	

Ghi chú:**- Ký hiệu môn học:**

AVBS: Anh văn bổ sung (45 tiết) PLDC: Pháp luật đại cương (45 tiết) TĐC: Tin học đại cương (30LT+30TH)
 KTVM: Kinh tế học vi mô (45 tiết) TCC: Toán cao cấp (45 tiết) TRIET: Triết học Mác - Lênin (45 tiết)
 KTVMI: Kinh tế học vi mô 1 (45 tiết) SH: Sinh hoạt lớp

- Thời gian học: Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 26/12/2025 (14 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 27/12/2025 đến ngày 18/01/2026 (3 tuần)

II. Giáo dục thể chất K13

Lớp	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
ĐK 7	Sáng	1-2				Ngày 19/12: 1-2	KD13E
ĐK 8		22/9-8/12: 3-4 15/12; 22/12: 3-5					KD13G
ĐK 9					1-2	Ngày 19/12: 1-2	KD13H
ĐK 15			23/9-9/12: 3-4 16/12; 23/12: 3-5				CT13A
ĐK 18			1-2			Ngày 19/12: 3-4	TM13A
ĐK 17			23/9-9/12: 3-4 16/12; 23/12: 3-5				QL13A
ĐK 19			1-2			Ngày 19/12: 3-4	TM13A
ĐK 2					25/9-11/12: 3-4 18/12; 25/12: 3-5		TC13B
ĐK 14				1-2		Ngày 26/12: 1-2	QM13B
ĐK 12				24/9-10/12: 3-4 17/12; 24/12: 3-5			QT13C

Lớp	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
ĐK 3	Chiều	22/9-8/12: 7-8 15/12; 22/12: 6-8					KD13A
ĐK 4		9-10				Ngày 19/12: 7-8	KD13B
ĐK 5		22/9-8/12: 7-8 15/12; 22/12: 6-8					KD13C
ĐK 6		9-10				Ngày 19/12: 7-8	KD13D
ĐK 10			23/9-9/12: 7-8 16/12; 23/12: 6-8				QT13A
ĐK 20			9-10			Ngày 19/12: 9-10	NH13A
ĐK 1					25/9-11/12: 7-8 18/12; 25/12: 6-8		TC13A
ĐK 21					9-10	Ngày 19/12: 9-10	NH13A
ĐK 13				24/9-10/12: 7-8 17/12; 24/12: 6-8			QM13A
ĐK 11				9-10		Ngày 26/12: 7-8	QT13B
ĐK 16				24/9-10/12: 7-8 17/12; 24/12: 6-8			KA13A

- Ký hiệu môn học:

ĐK: Giáo dục thể chất HP1 – Điện kinh (30 tiết)

- Thời gian học: Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 26/12/2025 (14 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 27/12/2025 đến ngày 18/01/2026 (3 tuần)

III. Lịch thực hành phòng máy – Môn Tin học đại cương

Lớp HP	Buổi thực hành – phòng máy						Ghi chú
KD13E	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	
	S: 04/11/2025 B7, B8	S: 11/11/2025 B7, B8	S: 18/11/2025 B7, B8	S: 25/11/2025 B7, B8	S: 02/12/2025 B7, B8	S: 09/12/2025 B7, B8	
	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	
KD13G	S: 04/11/2025 B11, B12	S: 11/11/2025 B11, B12	S: 18/11/2025 B11, B12	S: 25/11/2025 B11, B12	S: 02/12/2025 B11, B12	S: 09/12/2025 B11, B12	
	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	
	S: 05/11/2025 B7, B8	S: 12/11/2025 B7, B8	S: 19/11/2025 B7, B8	S: 26/11/2025 B7, B8	S: 03/12/2025 B7, B8	S: 10/12/2025 B7, B8	
KD13H	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	
	S: 03/11/2025 B7, B8	S: 10/11/2025 B7, B8	S: 17/11/2025 B7, B8	S: 24/11/2025 B7, B8	S: 01/12/2025 B7, B8	S: 08/12/2025 B7, B8	
	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	
TC13B	S: 03/11/2025 B7, B8	S: 10/11/2025 B7, B8	S: 17/11/2025 B7, B8	S: 24/11/2025 B7, B8	S: 01/12/2025 B7, B8	S: 08/12/2025 B7, B8	
	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	
	S: 03/11/2025 B11, B12	S: 10/11/2025 B11, B12	S: 17/11/2025 B11, B12	S: 24/11/2025 B11, B12	S: 01/12/2025 B11, B12	S: 08/12/2025 B11, B12	
QM13B	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	
	S: 07/11/2025 B7, B8	S: 14/11/2025 B7, B8	S: 21/11/2025 B7, B8	S: 28/11/2025 B7, B8	S: 05/12/2025 B7, B8	S: 12/12/2025 B7, B8	
	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	
QT13C	S: 06/11/2025 B7, B11, B12	S: 13/11/2025 B7, B11, B12	S: 20/11/2025 B7, B11, B12	S: 27/11/2025 B7, B11, B12	S: 04/12/2025 B7, B11, B12	S: 11/12/2025 B7, B11, B12	
	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	
	S: 05/11/2025 B11, B12	S: 12/11/2025 B11, B12	S: 19/11/2025 B11, B12	S: 26/11/2025 B11, B12	S: 03/12/2025 B11, B12	S: 10/12/2025 B11, B12	

Lớp HP		Buổi thực hành – phòng máy						Ghi chú
CT13A	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	
	S: 07/11/2025	S: 14/11/2025	S: 21/11/2025	S: 28/11/2025	S: 05/12/2025	S: 12/12/2025		
KD13A	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	
	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	
	C: 04/11/2025	C: 11/11/2025	C: 18/11/2025	C: 25/11/2025	C: 02/12/2025	C: 09/12/2025	B7, B8	
KD13B	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	
	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	Thứ 3	
	C: 04/11/2025	C: 11/11/2025	C: 18/11/2025	C: 25/11/2025	C: 02/12/2025	C: 09/12/2025	B11, B12	
KD13C	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	
	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	
	C: 05/11/2025	C: 12/11/2025	C: 19/11/2025	C: 26/11/2025	C: 03/12/2025	C: 10/12/2025	B7, B8	
KD13D	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	
	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	Thứ 4	
	C: 05/11/2025	C: 12/11/2025	C: 19/11/2025	C: 26/11/2025	C: 03/12/2025	C: 10/12/2025	B11, B12	
KA13A	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	
	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	
	C: 03/11/2025	C: 10/11/2025	C: 17/11/2025	C: 24/11/2025	C: 01/12/2025	C: 08/12/2025	B7	
NH13A	B7	B7	B7	B7	B7	B7	B7	
	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	Thứ 2	
	C: 03/11/2025	C: 10/11/2025	C: 17/11/2025	C: 24/11/2025	C: 01/12/2025	C: 08/12/2025	B8, B11, B12	
TC13A	B8, B11, B12	B8, B11, B12	B8, B11, B12	B8, B11, B12	B8, B11, B12	B8, B11, B12	B8, B11, B12	
	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	
	C: 07/11/2025	C: 14/11/2025	C: 21/11/2025	C: 28/11/2025	C: 05/12/2025	C: 12/12/2025	B7, B8	

Lớp HP	Buổi thực hành – phòng máy						Ghi chú
QM13A	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	Thứ 6	
	C: 07/11/2025	C: 14/11/2025	C: 21/11/2025	C: 28/11/2025	C: 05/12/2025	C: 12/12/2025	
	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	
QT13A	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	
	C: 06/11/2025	C: 13/11/2025	C: 20/11/2025	C: 27/11/2025	C: 04/12/2025	C: 11/12/2025	
	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	B7, B8	
QT13B	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	Thứ 5	
	C: 06/11/2025	C: 13/11/2025	C: 20/11/2025	C: 27/11/2025	C: 04/12/2025	C: 11/12/2025	
	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	B11, B12	

IV. Thực hiện

1. Các Khoa:

- Bố trí giảng viên giảng dạy theo kế hoạch. Giảng viên được phân công giảng dạy lập lịch trình giảng dạy đối với những học phần chưa có kịch bản giảng dạy và gửi cho Phòng Quản lý đào tạo (Đ/c Nguyễn Văn Đạo) trước ngày lên lớp của học phần (có ý kiến của Trường Khoa, Bộ môn)
- Gửi kế hoạch phân công giảng viên lên lớp về Phòng Quản lý Đào tạo (Đ/c Hoàng Thị Duyên) trước ngày **19/09/2025**.
- Kết thúc học phần: Giảng viên nhập điểm chuyên cần, kiểm tra vào phần mềm Quản lý đào tạo (xác định điều kiện dự thi cho sinh viên qua điểm chuyên cần, sinh viên đủ điều kiện dự thi có điểm chuyên cần ≥ 5 , ngược lại nhập chuyên cần $= 0$ để xác định sinh viên không đủ điều kiện dự thi), in bảng điểm quá trình gửi về Phòng Quản lý đào tạo (Đ/c Nguyễn Văn Đạo) trước ngày thi 5 ngày.

2. **Phòng Quản lý Đào tạo:** Phổ biến kế hoạch tới sinh viên; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch.

3. **Phòng Quản trị Thiết bị:** Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy.

Ghi chú: Các đơn vị chuyển Lịch Giảng dạy-Học tập đến các Cố vấn học tập thuộc đơn vị mình.

Căn cứ Lịch Giảng dạy- Học tập trên, các đơn vị triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc trao đổi với Phòng Quản lý đào tạo để thống nhất báo cáo Ban giám hiệu giải quyết./.

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH;
- Các Khoa;
- Phòng CTSV, QTTB, TCKT, KTQLCL;
- CTTĐT Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


TS. Nguyễn Huy Cường